

KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA	DẠNG CÂU TRẮC NGHIỆM và TỰ LUẬN	Mức độ				Tổng số câu	TỔNG SỐ ĐIỂM
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng THẤP	Vận dụng CAO		
LISTENING UNIT 1, UNIT 2, UNIT 3, UNIT 4	TRẮC NGHIỆM		2	2	1	5	1.0
PHONETICS (Pronunciation of words from unit 3,4)	Sound	1					
	Stress	1				2	0.4
VOCABULARY + PREPOSITION (words from unit 3 + unit 4 (VOCABULARY + GRAMMAR + WORD SKILLS + READING))	Word meaning	3	2				
	Antonym		1				
	Synonym		1			12	2.4
	Word form (tự luận)		1	4			
GRAMMAR • COMPARISONS (SS HƠN + NHẤT + BẰNG) • TOO & ENOUGH • PHRASAL VERBS • MODAL VERBS (ACTIVE + PASSIVE) • NEGATIVE ADJ PREFIXES • SOME / ANY / (NOT) MUCH / (NOT) MANY / A LOT OF / (A) LITTLE / (A) FEW/ HOW MUCH / HOW MANY/	Error identification		2			2	0,4
	Preposition	2				2	0.4
	Structures	3	2			5	1.0
	Sentence transformation (tự luận)			3	2	5	2.0
COMMUNICATION	Short conversations	2				2	0.4
READING COMPREHENSION Topics (from Unit 3,4)	Reading comprehension	3	2			5	2.0
	Cloze test	3	2			5	

TỔNG SỐ CẦU, ĐIỂM THEO MỨC ĐỘ	3.6đ	3.0đ	2.4đ	1.0đ	45	10.0
-------------------------------	------	------	------	------	----	------